

# Phiếu an toàn hóa chất

theo điều Luật hóa chất số: 06/2007/QH12, Điều 29

Ngày in 2024.01.08

Số phiên bản 1

Sửa lại: 2024.01.08

## Phần 1: Nhận dạng hóa chất và thông tin về nhà cung cấp

### Phân loại sản phẩm

Tên thương mại **Supraduro MC70QV**

Mã giao dịch: BPI PS011

**Các trường hợp được dùng chất, hỗn hợp này và các trường hợp chống chỉ định**

The product is intended for industrial or professional use.

### Hướng dẫn sử dụng

Gypsum plaster

Plaster moulds

### Thông tin chi tiết của các nhà cung cấp các bảng dữ liệu an toàn

#### Nhà sản xuất / Nhà phân phối:

SAINT-GOBAIN FORMULA

Gypsum Metropolitan Tower - 539/2 Si Ayutthaya Road,  
Ratchathewi 10400 Bangkok,

Thailand

+66(0)2 248 7951

msds-formula@saint-gobain.com

#### Số điện thoại khẩn cấp:

Austria +43 1 406 43 43 (24 hrs)

Belgium +32 70 245 245 (24 hrs)

Bulgaria +359 2 9154 378/+359 887 435 325 (24 hrs)

China +86 10 660 981 14 (24 hrs)

Czechia (Czech Republic) +420 22 49 192 93 (24 hrs)

Denmark +45 82 12 12 12 (24 hrs)

Finland +358 9 471977 (24 hrs)

France +33 (0)1 40 05 48 48 (24 hrs)

Germany +49 30 192 40 (24 hrs)

Greece +30 21 07 79 37 77 (24 hrs)

Hungary +36 80 20 11 99 (24 hrs)

India +91 112 659 36 77 or +91 112 658 93 91 (24 hrs)

Indonesia +62 813 1082 6879 (24 hrs)

Ireland +353 1 809 2166 (24 hrs)

Morocco +212 537 68 64 64 / 0801 000 180 (24 hrs)

Netherlands +31 (0)30 274 88 88 (24 hrs)

Northern Ireland 844 892 0111 (24 hrs)

Norway +47 22 59 13 00 (24 hrs)

Portugal +351 800 250 250 (24 hrs)

Romania +402 212 106 282 (24 hrs)

Saudi Arabia 937; 800 442 8800 (national callers) (24 hrs)

Spain +34 91 562 0420 (24 hrs)

Switzerland +41 44 251 51 51 (in Switzerland dial 145) (24 hrs)

Thailand 1367, Line ID poisrequest (national callers) +66 (0)220 11084-6 (24 hrs)

Tunisia +216 1 335 500 (24 hrs)

Turkey +90 0312 433 70 01 or 0 800 314 7900 (24 hrs)

UK 844 892 0111 (24 hrs)

USA 1 800 222 1222 (24 hrs)

Vietnam +84 (0)243 869 3731, ext 6821 (08.00-17.00 Monday-Friday)

## Phần 2: Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

### Phân loại chất và hỗn hợp

Độc cấp tính – Miệng – Cấp 5 H303 Có thể có hại nếu nuốt phải.

(Xem tiếp ở trang 2)

**Phiếu an toàn hóa chất**  
theo điều Luật hóa chất số: 06/2007/QH12, Điều 29

Ngày in 2024.01.08

Số phiên bản 1

Sửa lại: 2024.01.08

**Tên thương mại Supraduro MC70QV**

(Xem tiếp ở trang 1)

**Nhãn mác**

**Các yêu tố trên nhãn GHS** Sản phẩm được xếp loại và ghi nhãn theo quy định của GHS

**Các hình biểu thị sự nguy hiểm** khoảng trống

**Từ chỉ dấu hiệu** Cảnh báo

**Các hướng dẫn về các nguy hiểm**

H303 Có thể có hại nếu nuốt phải.

**Các hướng dẫn an toàn**

P101 Cầm theo hộp sản phẩm hoặc nhãn mác khi đến gặp bác sĩ

P102 Để xa tầm tay trẻ em.

P103 Hãy đọc nhãn mác trước khi sử dụng.

P312 Gọi trung tâm giải độc/ bác sĩ nếu thấy khó chịu

**Các thông tin đính kèm:** Safety data sheet available on request.

**Các dấu hiệu nguy hiểm khác:**

**Kết quả của đánh giá PBT và vPvB Results**

**PBT:** Không được áp dụng

**vPvB:** Không được áp dụng

**Phần 3: Thông tin về thành phần các chất**

**Mô tả tính chất hóa học:** Hỗn hợp

**Mô tả** Mixture of substances without any hazardous components

**Các chất thành phần nguy hiểm:**

CAS: 7778-18-9	calcium sulphate, different hydrate levels CaSO <sub>4</sub> x n H <sub>2</sub> O (n = 0; 1/2; 2)	75-100%
	Độc cấp tính – Miệng – Cấp 5, H303	

**SVHC** Không có thông tin liên quan

**Các hướng dẫn đính kèm:** Đối với các từ ngữ dùng để chỉ rủi ro được liệt kê trong mục 16

**Phần 4: Biện pháp sơ cứu về y tế**

**Mô tả về các biện pháp sơ cứu**

**Hướng dẫn chung:**

Không yêu cầu biện pháp đặc biệt

Đưa nạn nhân ra khỏi khu vực nguy hiểm, nếu nạn nhân không ổn, gọi bác sĩ và đưa kèm bảng thông tin này

**Sau khi hít vào:** Tìm kiếm các điều trị y tế trong trường hợp bị đau

**Sau khi tiếp xúc với da:** Rửa bằng nước ấm

**Sau khi tiếp xúc với mắt:** Tìm cách điều trị

**Sau khi nuốt phải:** Nếu triệu chứng không giảm thì phải xin tư vấn của bác sĩ

**Thông tin dành cho bác sĩ:**

**Những triệu chứng và tác dụng quan trọng nhất:** Không có thông tin liên quan nào khác

**Các chỉ dẫn về sự giúp đỡ tức thời của bác sĩ và trợ giúp đặc biệt**

Không có thêm thông tin liên quan

**Phần 5: Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn**

**Các phương tiện chữa cháy**

**Các giải pháp chữa cháy thích hợp** Sản phẩm không dễ cháy

(Xem tiếp ở trang 3)

**Phiếu an toàn hóa chất**  
theo điều Luật hóa chất số: 06/2007/QH12, Điều 29

Ngày in 2024.01.08

Số phiên bản 1

Sửa lại: 2024.01.08

**Tên thương mại Supraduro MC70QV**

**Những nguy cơ gây cháy từ các chất hoặc hỗn hợp** Không có thêm thông tin liên quan  
**Hướng dẫn trong trường hợp chữa cháy**  
**Các thiết bị bảo vệ** Không cần đến những biện pháp đặc biệt

(Xem tiếp ở trang 2)

**Phần 6: Biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố**

**Các biện pháp phòng ngừa cá nhân, thiết bị bảo hộ và thủ tục khẩn cấp** Không yêu cầu  
**Các biện pháp bảo vệ môi trường** Không yêu cầu biện pháp đặc biệt nào  
**Các phương pháp và nguyên liệu dùng cho việc ngăn chặn và làm sạch** Dọn bằng máy  
**Liên hệ đến các phần khác**  
Xem phần 7 để biết thông tin về xử lý an toàn  
Xem phần 8 để biết thông tin và thiết bị bảo hộ cá nhân  
Xem phần 13 để biết thông tin về xả thải

**Phần 7: Yêu cầu về sử dụng, bảo quản**

**Xử lý**  
**Các biện pháp bảo vệ để xử lý an toàn**  
Không có yêu cầu về biện pháp đặc biệt  
Dùng bộ hút chiết nếu thấy có bụi  
**Thông tin về các biện pháp chống cháy nổ** Không có yêu cầu về biện pháp đặc biệt  
**Điều kiện cho việc lưu trữ an toàn, bao gồm cả sự không tương thích**  
**Lưu trữ:**  
**Yêu cầu đối với phòng chứa và dụng cụ chứa** Chỉ được đựng trong các bình chứa mới và chưa mở  
**Thông tin về lưu trữ đối với một cơ sở lưu trữ thông thường** Không yêu cầu  
**Thông tin thêm về điều kiện lưu trữ** Để nơi khô ráo  
**Tác dụng của sản phẩm** Không có thêm thông tin liên quan

**Phần 8: Kiểm soát phơi nhiễm/yêu cầu về thiết bị bảo vệ cá nhân**

**Thông tin thêm về thiết kế các phương tiện kỹ thuật** Không có thêm dữ liệu; xem mục 7  
**Các thông số điều khiển**  
**Các thành phần với giá trị giới hạn cần được yêu cầu giám sát tại nơi làm việc**

**Giá trị DNEL**

**CAS: 7778-18-9 calcium sulphate, different hydrate levels CaSO4 x n H2O (n = 0; 1/2; 2)**

Miệng	Derived No Effect Level	1.52 mg/kgxday (consumer systemic long term value) 11.4 mg/kgxday (consumer systemic short term value)
Hít phải	Derived No Effect Level	21.17 mg/m <sup>3</sup> (worker systemic long term value) 5,082 mg/m <sup>3</sup> (worker systemic short term value) 5.29 mg/m <sup>3</sup> (consumer systemic long term value) 3,811 mg/m <sup>3</sup> (consumer systemic short term value)

(Xem tiếp ở trang 4)

**Phiếu an toàn hóa chất**  
theo điều Luật hóa chất số: 06/2007/QH12, Điều 29

Ngày in 2024.01.08

Số phiên bản 1

Sửa lại: 2024.01.08

**Tên thương mại Supraduro MC70QV**

(Xem tiếp ở trang 3)

Mã CAS	Chỉ định vật liệu %	Loại	Giá trị đơn vị
<b>CAS: 7778-18-9 calcium sulphate, different hydrate levels CaSO4 x n H2O (n = 0; 1/2; 2)</b>			
PEL (US)	Giới hạn tiếp xúc ca làm việc: 15* 5** mg/m <sup>3</sup> *total dust **respirable fraction		
REL (US)	Giới hạn tiếp xúc ca làm việc: 10* 5** mg/m <sup>3</sup> *total dust **respirable fraction		
TLV (US)	Giới hạn tiếp xúc ca làm việc: 10* mg/m <sup>3</sup> *as inhalable fraction		

**Kiểm soát các tình huống nguy hiểm**
**Các thiết bị an toàn cá nhân**
**Các biện pháp bảo vệ và vệ sinh tổng thể**

Các biện pháp phòng ngừa thông thường phải được đi kèm khi xử lý hóa chất

Không ăn hay uống trong giờ làm việc

Tránh tiếp xúc với da

**Bảo vệ đường hô hấp:** Không yêu cầu

**Bảo vệ tay** Protective gloves should be used if there is a risk of a constant direct contact.

**Bảo vệ mắt Eye** Không yêu cầu

**Bảo vệ thân thể:** Quần áo bảo hộ lao động

**Phần 9: Đặc tính lý, hóa của hóa chất**
**Thông tin về tính chất vật lý và hóa học cơ bản**
**Thông tin tổng quát**
**Diện mạo:**
**Hình thức::** Dạng bột

**Màu:** Trắng

**Mùi:** Không mùi

**Ngưỡng mùi:** Không xác định.

**Độ pH tại 20 °C:** 7-8

**Thay đổi trong điều kiện**
**Điểm tan / Phạm vi tan** Không xác định

**Điểm sôi / Phạm vi sôi** Không xác định.

**Điểm bay hơi:** Không thể áp dụng.

**Tính dễ cháy (rắn, khí):** Sản phẩm không cháy.

**Nhiệt độ tự cháy** Không xác định.

**Nhiệt độ phân hủy:** Không xác định.

**Tự cháy:** Sản phẩm không tự bốc cháy.

**Nguy hiểm do cháy nổ:** Sản phẩm không có nguy cơ cháy nổ

**Giới hạn nổ:**
**Dưới:** Không xác định

**Trên:** Không xác định.

**Tính chất ôxi hóa** Không xác định.

(Xem tiếp ở trang 5)

**Phiếu an toàn hóa chất**  
theo điều Luật hóa chất số: 06/2007/QH12, Điều 29

Ngày in 2024.01.08

Số phiên bản 1

Sửa lại: 2024.01.08

**Tên thương mại Supraduro MC70QV**

(Xem tiếp ở trang 4)

<b>Áp lực hơi::</b>	Không xác định.
<b>Mật độ:</b>	Không xác định.
<b>Mật độ số lượng lớn:</b>	800-900 kg/m <sup>3</sup>
<b>Mật độ tương đối:</b>	Không xác định.
<b>Mật độ của hơi:</b>	Không thể áp dụng.
<b>Tỉ lệ bay hơi:</b>	Không thể áp dụng.
<b>Độ hòa tan trong / Độ hòa trộn với:</b>	
<b>Nước:</b>	Không thể hòa tan.
<b>Sự phân biệt hệ số (n-octanol / Nước):</b>	Không xác định.
<b>Độ nhớt:</b>	
<b>Động</b>	Không thể áp dụng.
<b>Tĩnh</b>	Không thể áp dụng.
<b>Thành phần dung môi:</b>	
<b>Thành phần chất rắn:</b>	100.0 %
<b>Thông tin khác:</b>	Không có thông tin chi tiết tương ứng

**Phần 10: Mức ổn định và phản ứng của hóa chất**

**Phản ứng:** Not reactive under normal conditions of use

**Sự ổn định hóa học:** Ổn định trong điều kiện lưu trữ như khuyến cáo

**Phân hủy nhiệt / Điều kiện cần tránh:** Không phân hủy nếu được sử dụng theo tiêu chuẩn.

**Khả năng phản ứng nguy hiểm:** Chưa có phản ứng nguy hiểm nào được biết tới.

**Các điều kiện cần tránh:**

Avoid water ingress/moisture during storage (the product will react with moisture and harden).

**Vật liệu không tương thích:** Không có thêm thông tin liên quan.

**Sản phẩm phân hủy nguy hiểm:** Chưa có sản phẩm phân hủy nào được biết đến.

**Phần 11: Thông tin về độc tính**

**Thông tin về các hiệu ứng độc tính:**

**Ngộ độc cấp tính:**

**Phân loại liên quan tới giá trị LD/LC50**

Thành phần	Loại	Giá trị	Loài
<b>CAS: 7778-18-9 calcium sulphate, different hydrate levels CaSO4 x n H2O (n = 0; 1/2; 2)</b>			
Miệng	LD50	>2,000 mg/kg	(Chuột)

**Hiệu ứng kích thích sơ cấp:**

**Trên da** Không có tác dụng kích ứng.

**Trên mắt:** Không có tác dụng kích ứng.

**Thông tin thêm về độc tính::**

Sản phẩm này không phân loại theo phương pháp tính toán hướng dẫn phân loại Châu Âu chung được ban hành trong biên bản mới nhất .

VN

(Xem tiếp ở trang 6)

**Phiếu an toàn hóa chất**  
theo điều Luật hóa chất số: 06/2007/QH12, Điều 29

Ngày in 2024.01.08

Số phiên bản 1

Sửa lại: 2024.01.08

Tên thương mại Supraduro MC70QV

(Xem tiếp ở trang 5)

### Phần 12: Thông tin về sinh thái

**Độc tính**

**Thủy sản độc tính:** Không được liệt kê là thành phần có hại cho môi trường nước

Dạng kiểm tra:	Tập trung hiệu	Phương pháp	Đánh giá
<b>CAS: 7778-18-9 calcium sulphate, different hydrate levels CaSO<sub>4</sub> x n H<sub>2</sub>O (n = 0; 1/2; 2)</b>			
LC50/48h	79-1,970 mg/l	(Daphnia magna)	
LC50/96h	79-2,980 mg/l	(Fish)	
EC50/72h	>79 mg/l	(Selenastrum capricornutum (Green algae))	

**Sự tồn tại và thoái hóa :** Không có thêm thông tin liên quan.

**Hành vi trong các hệ thống môi trường:**

**Tiềm năng tích lũy sinh học** Không có thêm thông tin liên quan.

**Tính lưu động trong đất** Không có thêm thông tin liên quan.

**Ảnh hưởng của sinh thái độc**

**Hành vi trong các nhà máy xử lý nước thải:**

Dạng kiểm tra:	Tập trung hiệu quả	Phương pháp	Đánh giá
<b>CAS: 7778-18-9 calcium sulphate, different hydrate levels CaSO<sub>4</sub> x n H<sub>2</sub>O (n = 0; 1/2; 2)</b>			
EC 50 (3h)	>1,000 mg/l	(Bùn hoạt tính)	

**Bổ sung thông tin sinh thái:**

**Ghi chú tổng quát:**

Không để sản phẩm tiếp xúc với nước ngầm, nguồn nước hoặc hệ thống nước thải .

**Kết quả của đánh giá PBT và vPvB**

**PBT PBT:** Không có khả năng ứng dụng.

**vPvB vPvB:** Không có khả năng ứng dụng.

**Các hiệu ứng bất lợi** Không có thêm thông tin liên quan.

### Phần 13: Thông tin về thải bỏ

**Phương pháp xử lý chất thải**

**Khuyến nghị**

Việc xử lý phải tuân theo các quy định của chính quyền địa phương

Số lượng nhỏ hơn có thể được xử lý cùng với rác thải sinh hoạt

**Bao bì bẩn**

**Khuyến nghị:**

Việc xử lý phải thực hiện theo các quy định của chính quyền.

Những vỏ bao bì không bị bẩn có thể được tái chế.

**Các chất tẩy rửa được khuyến nghị sử dụng** Giữ kỹ chất thải ra khỏi bao bố.

### Phần 14: Thông tin khi vận chuyển

Mã LHQ (UN)	
ADR, IMDG, IATA	khoảng trống

(Xem tiếp ở trang 7)

**Phiếu an toàn hóa chất**  
theo điều Luật hóa chất số: 06/2007/QH12, Điều 29

Ngày in 2024.01.08

Số phiên bản 1

Sửa lại: 2024.01.08

**Tên thương mại Supraduro MC70QV**

(Xem tiếp ở trang 6)

<b>Tên vận chuyển theo quy ước của LHQ</b> ADR, IMDG, IATA	khoảng trống
<b>vận chuyển các lớp học nguy hiểm</b> ADR, ADN, IMDG, IATA lớp	khoảng trống
<b>Nhóm bao bì</b> ADR, IMDG, IATA	khoảng trống
<b>Các môi trường nguy hiểm:</b>	Không có khả năng áp dụng.
<b>Các biện pháp phòng ngừa đặc biệt cho người sử dụng:</b>	Không có khả năng áp dụng.
<b>Vận chuyển với số lượng lớn theo Phụ Lục II của MARPOL73/78 và mã IBC</b>	Không có khả năng áp dụng.
<b>Mẫu chuẩn của LHQ:</b>	khoảng trống

### Phần 15: Thông tin về pháp luật

**An toàn, sức khỏe và các quy định, pháp luật về môi trường cho các chất và hỗn hợp**  
Không có thêm thông tin liên quan

**Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp - phụ lục I**  
Không có các thành phần được liệt kê.

**Danh mục hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp - phụ lục II**  
Không có các thành phần được liệt kê.

**Danh mục hóa chất nguy hiểm phải xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất - phụ lục IV - Ngưỡng khối lượng hóa chất tồn trữ lớn nhất tại một thời điểm (kg)**  
Không có các thành phần được liệt kê.

**Danh mục hóa chất phải khai báo - phụ lục V**  
Không có các thành phần được liệt kê.

**Các yêu tố trên nhãn GHS** Sản phẩm được xếp loại và ghi nhãn theo quy định của GHS

**Các hình biểu thị sự nguy hiểm** khoảng trống

**Từ cảnh báo** Cảnh báo

**Các hướng dẫn về các nguy hiểm**

H303 Có thể có hại nếu nuốt phải.

**Các hướng dẫn an toàn**

P101 Cầm theo hộp sản phẩm hoặc nhãn mác khi đến gặp bác sĩ

P102 Để xa tầm tay trẻ em.

P103 Hãy đọc nhãn mác trước khi sử dụng.

P312 Gọi trung tâm giải độc/ bác sĩ nếu thấy khó chịu

**Đánh giá an toàn hóa chất:** Đánh giá an toàn hóa chất chưa được tiến hành.

### Phần 16: Các thông tin cần thiết khác

Thông tin này dựa trên kiến thức hiện nay của chúng tôi. Tuy nhiên, điều này không đảm bảo cho bất cứ tính chất cụ thể nào của sản phẩm và không thiết lập mối quan hệ hợp tác có giá trị pháp lý nào.

(Xem tiếp ở trang 8)

**Phiếu an toàn hóa chất**  
theo điều Luật hóa chất số: 06/2007/QH12, Điều 29

Ngày in 2024.01.08

Số phiên bản 1

Sửa lại: 2024.01.08

**Tên thương mại Supraduro MC70QV**

(Xem tiếp ở trang 7)

**Nơi phát hành bảng hướng dẫn an toàn hóa chất:** Technical Services

**Liên hệ:**

+ 44 (0) 1636 670230

msds-formula@saint-gobain.com

**Ngày tháng biên soạn phiếu:** 2024.01.08

**Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất:** 2024.01.08

**Chữ viết tắt hoặc Viết tắt chữ cái đầu:**

ADR: Accord relatif au transport international des marchandises dangereuses par route (European Agreement Concerning the International Carriage of Dangerous Goods by Road)

IMDG: International Maritime Code for Dangerous Goods

IATA: International Air Transport Association

IATA-DGR: Dangerous Goods Regulations by the "International Air Transport Association" (IATA)

ICAO: International Civil Aviation Organisation

EINECS: European Inventory of Existing Commercial Chemical Substances

ELINCS: European List of Notified Chemical Substances

CAS: Chemical Abstracts Service (division of the American Chemical Society)

DNEL: Derived No-Effect Level (REACH)

LC50: Lethal concentration, 50 percent

LD50: Lethal dose, 50 percent

PBT: Persistent, Bioaccumulative and Toxic

SVHC: Substances of Very High Concern (REACH regulation)

vPvB: very Persistent and very Bioaccumulative

Độc cấp tính – Miệng – Cấp 5: Acute toxicity – Category 5